

Số: /SXD-QLXD Hà Nam, ngày tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam
6 tháng đầu năm 2020

Kính gửi:

- Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Thực hiện Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính Phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016.

Sở Xây dựng Hà Nam báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 với những nội dung sau:

1. Về cấp giấy phép xây dựng

Số liệu chi tiết theo Phụ lục số 01 (có đính gửi kèm theo).

2. Về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, cấp chứng chỉ năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng

a) Về chứng chỉ hành nghề của cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Sở Xây dựng đã tổ chức thi sát hạch và xét cấp chứng chỉ.

Tổng số loại chứng chỉ được cấp: **34 chứng chỉ**.

Trong đó:

- | | |
|--|--------------|
| - Chứng chỉ hành nghề thiết kế: | 3 chứng chỉ |
| - Chứng chỉ quản lý dự án: | 2 chứng chỉ |
| - Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công: | 26 chứng chỉ |
| - Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng: | 2 chứng chỉ |
| - Chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình: | 1 chứng chỉ |

b) Về điều kiện năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng

Tổng số chứng chỉ được cấp: **36 đơn vị**.

Trong đó:

- Đơn vị tư vấn: 14 đơn vị
- Đơn vị thi công: 22 đơn vị

c) Nhận xét, đánh giá tình hình triển khai công tác cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định

Công tác cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam 6 tháng đầu năm 2020 được thực hiện theo Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05 tháng 10 năm 2018 về hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Hiện tại, máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác sát hạch được bố trí tại Chi cục Giám định - Sở Xây dựng. Công tác cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng triển khai kịp thời và đúng quy định.

3. Về cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài

Tổng số: **0 giấy phép**.

4. Tổng hợp số liệu về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã thực hiện:

Số liệu chi tiết theo Phụ lục số 02 (có đính gửi kèm theo).

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng 6 tháng đầu năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Sở Xây dựng Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLXD;
- CV (M)-2020/0780

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

Phụ lục số 01

**TỔNG SỐ GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐƯỢC CẤP VÀ SỐ CÔNG TRÌNH VI PHẠM QUY ĐỊNH TRẬT TỰ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
(6 tháng đầu năm 2020)**

	Đơn vị tính	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
I. Tổng số giấy phép xây dựng được cấp	GPXD	1	659	711
Chia ra:				
1. Cấp cho nhà ở riêng lẻ	GPXD	2	625	648
2. Cấp cho các công trình/dự án	GPXD	3	34	63
II. Tổng số các công trình được kiểm tra, thanh tra về trật tự xây dựng		4	70	93
Trong đó:				
1. Số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng	Công trình	5	29	36
1.1. Không phép	Công trình	6	18	20
1.2. Sai phép	Công trình	7	11	06
1.3. Vi phạm khác	Công trình	8	0	10
2. Kết quả xử phạt				
2.1. Số lượng quyết định xử phạt	Quyết định	9		16
2.2. Số lượng quyết định xử phạt đã được chấp hành	Quyết định	10		15
2.3. Số lượng QĐ xử phạt bị cưỡng chế thi hành	Quyết định	11		0

Phụ lục số 02

Loại nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án						Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)						
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Tổng số TKCS phải sửa đổi	Số phải sửa đổi	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT -KT đã thẩm định	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)				
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %					Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %	
Sở Xây dựng	0		-	-					24	7		185.496,6	181.614,1	-3.882,5	2,09
Sở Giao thông vận tải	1		53.111,6	51.696,7	-1.414,9	2,66			2	0		23.391,0	23.266,0	-125,0	0,53
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4		200.983,0	200.983,0	0,0	-	2		11	8		95.291,0	95.291,0	0,0	0,00
Sở Công thương	0						6		7	6		5.345,0	5.065,0	-280,0	5,24

UBND TP Phủ Lý	0						0		20		199.703,7	187.832,7	-11.871,0	5,94	
UBND huyện Kim Bảng	0						0	8	8		66.173,7	65.502,6	-671,1	1,01	
UBND huyện Thanh Liêm	0						0	0	8		42.682,0	42.620,0	-62,0	0,15	
UBND huyện Lý Nhân	0						0	7	7		46.389,4	45.302,1	-1.087,3	2,34	
UBND huyện Bình Lục	0						0	10	10		32.381,3	31.546,2	-835,1	2,58	
UBND thị xã Duy Tiên	0						0	12	12		59.059,7	58.500,2	-559,5	0,95	
Tổng cộng, TB	5,0	-	254.094,6	252.679,7	-1.414,9	0,56	8	-	87	92	-	755.913,4	736.540,0	-19.373,4	2,56

Loại nguồn vốn: Nhà nước ngoài ngân sách nhà nước

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án						Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)						
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Tổng số TKCS phải sửa đổi	Số phải sửa đổi	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT -KT đã thẩm định	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)				
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %					Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %	
Sở Xây dựng	13		1.593.252,7	1.517.383,5	-75.869,2	4,76	3		15	0		864.143,2	797.231,1	-66.912,1	7,74
Sở Giao thông vận tải	0						0		0	0					
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0						0		1	0		923,5	923,5	0,0	0,00
Sở Công thương	0						11	0	22	22		251.289,0	240.780,0	-10.509,0	4,18
UBND TP Phú Lý	0						0		0	0					

UBND huyện Kim Bảng	0						0		0	0					
UBND huyện Thanh Liên	0						0		0	0					
UBND huyện Lý Nhân	0						0		0	0					
UBND huyện Bình Lục	0						0		0	0					
UBND thị xã Duy Tiên	0						0		0	0					
Tổng cộng, TB	13,0	-	1.593.252,7	1.517.383,5	-75.869,2	4,76	14	0	38	22	-	1.116.355,7	1.038.934,6	-77.421,1	6,94

Loại nguồn vốn: Khác

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án						Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)					
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Tổng số TKCS phải sửa đổi	Số phải sửa đổi	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT -KT đã thẩm định	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)			
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %					Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %
Sở Xây dựng	0						36		12	0				
Sở Giao thông vận tải	0						0		0	0				
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0						0		0	0				
Sở Công thương	0						0		21	0	0	0	0	0
UBND TP Phủ Lý	0						0		0	0				

UBND huyện Kim Bảng	0						0		0	0				
UBND huyện Thanh Liên	0						0		0	0				
UBND huyện Lý Nhân	0						0		0	0				
UBND huyện Bình Lục	0						0		0	0				
UBND thị xã Duy Tiên	0						0		0	0				
Ban QL Khu CN	0						29		29					
Tổng cộng, TB							36		12	0				